

# THỰC TRẠNG VIỆC THỰC HIỆN LUẬT BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ RỪNG TỰ NHIÊN GIAO CHO HỘ GIA ĐÌNH Ở TỈNH BẮC KẠN

Trần Duy Rương, Nguyễn Thị Thu Hà

*Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam*

## TÓM TẮT

**Từ khóa:** Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (BV & PTR), hộ gia đình (HGD), giao rừng tự nhiên, Bắc Kạn

Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được ban hành vào năm 2004, đây là hành lang pháp lý quy định về việc quản lý, bảo vệ, quyền hạn và nghĩa vụ của các chủ rừng trong việc quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng. Thực tế, bởi một vài điều khoản trong luật chưa chặt chẽ, việc tổ chức thực hiện ở các địa phương chưa được tốt nên việc thực hiện Luật Bảo vệ và phát triển rừng ở các địa phương còn tồn tại một số vấn đề, chưa đi vào cuộc sống. Bài báo này đề cập đến thực trạng việc thực hiện Luật Bảo vệ và phát triển rừng trong quản lý rừng tự nhiên giao cho hộ gia đình ở tỉnh Bắc Kạn. Tác giả cũng đã phát hiện những bất cập của một số điều trong luật cụ thể như: Thuế tài nguyên rừng, điểm c khoản 2 điều 56; khoản 2 điều 60; khoản 4 điều 69; khoản 3 điều 70 của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và việc thực hiện luật còn bất cập. Tác giả đã đưa ra một số khuyến nghị bổ sung vào Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

## Current status of the implementation of the law on forest protection and development in the management of natural forest allocated to households in Bac Kan

**Key words:** Law on Forest Protection and Development, household, forest allocation, Bac Kan.

Law on forest protection and development launched in 2004, this is the legal framework provides for the management, protection, rights and obligations of stakeholders in the management and protection of forest resources. In fact, the implementation of the Law on Forest Protection and Development has many issues, not come to life, because some of the terms of the law is not strict, local implementation is not good. This article is written on the status of the implementation of the Law on Forest Protection and Development in the management of natural forests allocated to households in Bac Kan. The author has uncovered a number of shortcomings in the law some specific thing like that: Taxation of forest resources and c, Clause 2 of Article 56; Clause 2 of Article 60; Clause 4 of Article 69; Clause 3 of Article 70 of the Law on the protection and development of forests and the implementation of laws that are insufficient. The author provides some additional recommendations to the Law on Forest Protection and Development.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, trong thời gian qua mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng ngành lâm nghiệp đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc tăng độ che phủ của rừng lên 40,7% vào năm 2012 (Theo Quyết định số 1739/QĐ-BNN-TCLN ngày 31/7/2013 của Bộ NN và PTNT), từng bước nâng cao chất lượng của rừng, xã hội hoá nghề rừng nhằm nâng cao đời sống cho người dân sống ở vùng miền núi. Để đạt được những thành tựu trên, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, văn bản pháp luật nhằm tiến hành giao đất, giao rừng tới người dân sống ở miền núi, cụ thể là Luật Đất đai năm 2014 có các quy định cụ thể về đất rừng, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể sử dụng đất rừng; Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 quy định về việc quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng, về quyền hạn và nghĩa vụ của các chủ rừng trong việc quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng. Trên cơ sở các văn bản pháp quy về đất đai và bảo vệ và phát triển rừng, Chính phủ đã ban hành các chính sách về giao đất, giao rừng như Nghị định số 02/CP ngày 15/1/1994 về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 về Quy chế quản lý rừng, Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2001 về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình và cá nhân được giao, thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp... Cho đến nay, trên cả nước đã thực hiện giao đất, giao rừng đạt nhiều thành tích đáng kể.

Tỉnh Bắc Kạn nằm ở vùng trung du miền núi phía Bắc, tổng diện tích đất tự nhiên là 485.941ha, diện tích đất lâm nghiệp là

432.387ha chiếm 79,86% đất tự nhiên, trong đó đất rừng tự nhiên chiếm 80% diện tích đất lâm nghiệp (Báo cáo kiểm kê rừng Bắc Kạn năm 2012). Với diện tích đất lâm nghiệp như vậy, tiềm năng phát triển sản xuất lâm nghiệp của người dân nông thôn ở tỉnh Bắc Kạn là rất lớn. Trong những năm qua, tỉnh Bắc Kạn cơ bản đã giao đất lâm nghiệp và rừng cho hộ gia đình. Nhưng trong việc quản lý, bảo vệ còn nhiều điểm chưa phát huy hết tiềm năng sử dụng đất và rừng.

## II. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN VÀ CÔNG CỤ SỬ DỤNG

### 2.1. Thu thập thông tin thứ cấp

- Nghiên cứu văn bản: Nghiên cứu các văn bản luật và hướng dẫn thực thi luật liên quan đến các nội dung nghiên cứu. Các văn bản cụ thể sẽ được xác định dựa trên các vấn đề được tìm thấy qua quá trình thu thập thông tin từ thực tế.

- Thu thập thông tin thứ cấp: Cả thông tin định tính và định lượng có thể thu thập từ các nguồn thứ cấp là các báo cáo, số liệu thống kê chính thức của các cơ quan thuộc địa bàn nghiên cứu.

### 2.2. Thu thập thông tin sơ cấp

- Thu thập thông tin định lượng: Công cụ sử dụng là bảng câu hỏi đối với hộ gia đình/cá nhân và đối với cán bộ địa phương. Như vậy có 2 bảng câu hỏi sẽ được thiết kế để khai thác thông tin từ hộ gia đình/cá nhân và cán bộ địa phương về các nội dung đã nêu ở phần trên.

- Thu thập thông tin định tính: sử dụng phương pháp phỏng vấn đối với những với cán bộ kiểm lâm, lãnh đạo địa phương, cán bộ chuyên trách của sở NN&PTNT, sở Tài Nguyên và Môi Trường, cán bộ lãnh đạo UBND huyện và xã. Công cụ sử dụng đối với phỏng vấn là các câu hỏi định hướng phỏng vấn.

- Thu thập thông tin định tính bằng nghiên cứu trường hợp: Chọn một vài trường hợp hộ gia đình là chủ rừng tiến hành thu thập thông tin để xây dựng một câu chuyện cụ thể.

**2.3. Phương pháp chọn mẫu**

Tiến hành khảo sát 2 huyện là Na Rì và Chợ Đồn của tỉnh Bắc Kạn, huyện Chợ Đồn chọn 2 xã là Phương Viên và Ngọc Phái, mỗi xã phỏng vấn 30 hộ gia đình (HGD) được giao đất lâm nghiệp và giao rừng. Huyện Na Rì, dự án chọn khảo sát xã Văn Minh phỏng vấn 29 HGD được giao đất lâm nghiệp và giao rừng. Phỏng vấn 4 cán bộ quản lý lâm nghiệp ở Chi cục Lâm nghiệp và Chi cục Kiểm lâm, ở mỗi huyện phỏng vấn 3 cán bộ là 1 cán bộ lâm nghiệp, 1 cán bộ kiểm lâm và 1 cán bộ Phòng Tài nguyên Môi trường. Ở mỗi xã phỏng vấn 3 cán bộ: 1 kiểm lâm địa bàn, 1 cán bộ xã phụ trách lâm nghiệp và 1 cán bộ địa chính.

**2.4. Phương pháp xử lý thông tin**

- Với thông tin thu thập bằng các bảng câu hỏi dành cho hộ gia đình sẽ xử lý bằng thống kê

để xác định những vấn đề phổ biến liên quan đến các nội dung nghiên cứu cũng như để xác định mối liên quan giữa các vấn đề đó với các yếu tố khác. Thông tin định tính trong bảng câu hỏi phỏng vấn dành cho hộ gia đình được xử lý bằng phương pháp phân chia theo các nội dung nghiên cứu.

- Thông tin thu thập bằng bảng câu hỏi dành cho cán bộ địa phương và đại diện cộng đồng sẽ được xử lý bằng thống kê phi xác suất.

- Thông tin thu thập qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm sẽ được xử lý bằng phương pháp phân chia theo nội dung nghiên cứu.

- Thông tin thu thập bằng nghiên cứu trường hợp (hộ gia đình) sẽ được dùng để minh họa cho các vấn đề trọng tâm.

**III. KẾT QUẢ GIAO ĐẤT LÂM NGHIỆP Ở TỈNH BẮC KẠN**

**3.1. Diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Bắc Kạn**

Diện tích đất lâm nghiệp và phân theo mục đích sử dụng của tỉnh Bắc Kạn được thể hiện ở bảng 1.

**Bảng 1.** Diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Bắc Kạn - 2012

*Đơn vị tính: ha*

Hạng mục	Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng			Đất chưa có rừng
			Cộng	Thành rừng	Chưa thành rừng	
Toàn tỉnh	432.387	294.172	73.257	48.662	24.597	64.959
Thuộc QH 3 loại rừng	423.144	289.013	69.172	44.998	24.174	64.959
Ngoài QH 3 loại rừng	9.244	5.159	4.085	3.663	422	0

Nguồn: Báo cáo kiểm kê rừng tỉnh Bắc Kạn năm 2012.

Theo quyết định về công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2013, thì rừng được phân loại thành: Rừng thuộc quy hoạch 3 loại rừng và rừng ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp. Có nghĩa là diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Bắc Kạn chỉ là 423.144ha.

Số liệu bảng 1 cho thấy, diện tích đất sử dụng sản xuất lâm nghiệp toàn tỉnh là 432.387ha chiếm 79,86% tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó đất quy hoạch 3 loại rừng là 423.144ha chiếm 97,86% đất sản xuất lâm nghiệp, đất ngoài quy hoạch là 9.244ha chiếm 2,14%. Diện tích rừng tự nhiên lớn nhất là

289.013ha, chiếm 98,25%; rừng trồng là 69.172ha, chiếm 94,42%; đất trống là 64.959ha diện tích quy hoạch lâm nghiệp.

Số liệu ở bảng trên cho thấy, diện tích rừng tự nhiên là 289.013ha, nhiều nhất chiếm 68,30%; rừng trồng là 69.172ha, chiếm 16,35%; đất chưa có rừng là 64.959ha chiếm 15,35%.

### 3.2. Nhóm chủ quản lý diện tích đất lâm nghiệp ở tỉnh Bắc Kạn

**Bảng 2.** Nhóm chủ quản lý diện tích đất lâm nghiệp ở tỉnh Bắc Kạn

TT	Nhóm chủ quản lý	Tổng diện tích	Rừng tự nhiên	Rừng trồng			Đất trống
				Cộng	Thành rừng	Chưa thành rừng	
1	2	3=4+5+8	4	5=6+7	6	7	8
	Tổng cộng	432.387	294.172	73.257	48.661	24.596	64.958
I	Ban quản lý rừng đặc dụng	25.136	22.098	730	719	11	2.308
	Tỷ lệ (%)	5,81	7,51	1,00			3,55
II	Doanh nghiệp Nhà nước	18.792	11.674	5.153	3.680	1.474	1.965
	Tỷ lệ (%)	4,35	3,97	7,03			3,03
III	D/ nghiệp ngoài quốc doanh	5.734	3.495	266	113	153	1.972
	Tỷ lệ (%)	1,33	1,19	0,36			3,04
IV	Hộ gia đình	236.287	155.713	53.834	35.006	18.829	26.739
	Tỷ lệ (%)	54,65	52,93	73,5			41,2
V	Cộng đồng	1.384	1.046	60	52	8	278
	Tỷ lệ (%)	0,32	0,36	0,08			0,43
VI	Đơn vị vũ trang	2.457	1.993	377	339	39	86
	Tỷ lệ (%)	0,57	0,68	0,51			0,13
VII	Các tổ chức khác	377	343	4	3	1	30
	Tỷ lệ (%)	0,09	0,12	0,005			0,05
VIII	UBND xã	142.220	97.808	12.832	8.750	4.082	31.580
	Tỷ lệ (%)	32,89	33,25	17,52			48,62

Nguồn: Báo cáo kiểm kê rừng tỉnh Bắc Kạn năm 2012.

Theo Luật Đất đai, 2014, UBND xã được coi là đối tượng sử dụng đất, được giao đất công ích với diện tích rất nhỏ. Còn phần lớn giao cho UBND xã để quản lý (UBND xã không phải chủ rừng, không được cấp giấy chứng nhận), diện tích này sẽ được giao cho các chủ sử dụng đất, có thể coi là đất lâm nghiệp chưa giao.

Số liệu bảng 2 cho thấy, diện tích rừng giao cho HGD lớn nhất 236.287ha, chiếm 54,65%; tiếp đến là Ban QLRĐD (Quản lý rừng đặc dụng) diện tích là 25.136ha, chiếm

5,81%; các doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH 1 TV Lâm nghiệp) 18.792ha, chiếm 4,35%; giao cho cộng đồng với diện tích rất nhỏ là 1.384ha, chiếm 0,32%. Diện tích đất lâm nghiệp chưa giao rất lớn là 142.220ha, chiếm 32,89%.

Số liệu bảng 2 cho thấy, diện tích rừng tự nhiên ở Bắc Kạn là 294.172ha lớn nhất chiếm 68,03%. Trong đó diện tích giao cho HGD là 155.713ha, chiếm 52,93%; diện tích giao cho Ban QLRĐD là 22.098ha, chiếm 7,51%; giao cho các công ty lâm nghiệp là 11.674ha chiếm

3,97%; giao cho cộng đồng ít nhất là 1.046ha chiếm 0,36%. Diện tích chưa giao tương đối lớn là 97.808ha chiếm 33,25%, diện tích này do UBND cấp xã quản lý.

Diện tích đất rừng trồng là 73.257ha, trong đó giao cho HGD là 53.834ha chiếm 71,94%. Diện tích giao cho các công ty lâm nghiệp Nhà nước là 5.153ha, chiếm 7,03%. Diện tích giao cho cộng đồng là 60ha, chiếm 0,08%. Diện tích chưa giao tương đối lớn là 12.832ha, chiếm 17,52%.

Diện tích đất chưa có rừng là 64.958ha, trong đó giao cho HGD là 26.739ha chiếm 41,16%; giao cho các công ty lâm nghiệp Nhà nước là 1.965ha chiếm 3,03%; giao cho cộng đồng rất ít là 278ha chiếm 0,43%. Diện tích chưa giao lớn nhất là 31.58ha chiếm 48,62%.

### **3.3. Những thuận lợi và khó khăn trong việc giao đất, giao rừng cho HGD ở tỉnh Bắc Kạn**

#### ***Thuận lợi***

Chính sách giao đất, giao rừng cho HGD đã tạo được tâm lý phấn khởi của người nhận được sổ đỏ, tạo điều kiện cho các chủ rừng chủ động đầu tư, canh tác trên mảnh đất của mình. Tâm lý phấn khởi đã tạo điều kiện cho HGD có tư duy mới, từ đó phát huy nhiều nguồn lực để phát triển sản xuất lâm nghiệp trên đất, rừng được giao.

Các cấp chính quyền ở tỉnh Bắc Kạn rất quyết tâm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giao đất, giao rừng cho HGD và cộng đồng.

Về hệ thống quản lý, ở cấp xã có Ban chỉ đạo quản lý bảo vệ rừng, do Bí thư đảng ủy xã làm trưởng ban. Mỗi thành viên phụ trách một số thôn hoặc một số lĩnh vực. Ở cấp thôn có Tổ quản lý bảo vệ rừng từ 6 - 8 người, do Trưởng thôn làm tổ trưởng. Hàng tháng tổ quản lý báo cáo lên xã về các hoạt động tuần

tra bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, chăm sóc và trồng mới rừng của thôn. Thành viên ban chỉ đạo xã cũng định kỳ xuống thôn để kiểm tra, rà soát. Hệ thống quản lý chặt chẽ và hiệu quả giúp thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng.

Về công tác tuyên truyền, cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo các thôn bản trên địa bàn thực hiện quy ước về bảo vệ phát triển rừng phù hợp với quy định pháp luật. Hình thức chỉ đạo là công văn và tổ chức họp thôn để thảo luận nội dung và cách thực hiện.

#### ***Khó khăn***

- Kết quả giao đất giao rừng ở tỉnh Bắc Kạn rất đáng khích lệ, những tồn tại của công tác này theo ý kiến của cơ quan chuyên môn, nhóm hộ cho thấy: thực chất chưa có giao rừng mà chỉ là giao đất vì chưa xác định trạng thái, trữ lượng rừng khi giao; việc giao rừng thực hiện chưa thực sự dựa vào quy hoạch sử dụng đất, nên giao đất giao rừng thường lúng túng và kết quả của quản lý rừng còn hạn chế. Giao đất giao rừng còn chông chéo, chưa thống nhất giữa ngành lâm nghiệp với địa chính, giữa thực tế với tài liệu.

- Kinh phí và nguồn lực còn hạn chế, do vậy chưa thực hiện tốt công tác giao đất, giao rừng ngoài thực địa.

- Đất lâm nghiệp thường ở xa, việc đi lại khó khăn, ảnh hưởng đến việc giao, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

#### ***Thực tế khảo sát***

Trong hồ sơ giao rừng, đất lâm nghiệp và trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa ghi đầy đủ các thông số về rừng (số lượng cây, trạng thái, trữ lượng rừng...), bên cạnh đó cũng không có kế ước với diện tích đất lâm nghiệp có rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn Nhà nước.

## IV. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN LUẬT BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG Ở TỈNH BẮC KẠN

### 4.1. Trách nhiệm của UBND các cấp

#### 4.1.1. UBND tỉnh

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng bằng các văn bản xuống các cơ quan quản lý trực tiếp như UBND các huyện để các huyện chỉ đạo các địa phương tổ chức tuyên truyền cho người dân về chính sách giao, khoán rừng cho HGD và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng trừ sinh vật hại rừng ở địa phương; chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc bảo vệ rừng phòng hộ; tổ chức kiểm tra việc khai thác rừng theo quy định của Chính phủ.

- Chỉ đạo việc tổ chức mạng lưới quản lý, bảo vệ rừng, huy động và phối hợp các lực lượng để ngăn chặn mọi hành vi gây tổn hại đến rừng trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.

- Tóm lại, UBND tỉnh đã chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động giao đất, giao rừng cho HGD và cộng đồng với kết quả cao nhất.

#### 4.1.2. UBND cấp huyện

- Hàng năm hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước về quản lý, bảo vệ, khai thác rừng trong phạm vi địa phương mình bằng văn bản trực tiếp xuống các xã.

- Hàng năm chỉ đạo, tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng bằng văn bản xuống các xã, chỉ đạo các hạt kiểm lâm thường xuyên xuống

các xã kết hợp với kiểm lâm địa bàn tuyên truyền về Luật Bảo vệ và Phát triển rừng trong các cuộc họp ở địa phương.

- Thành lập ban dự án bảo vệ và phát triển rừng do phó chủ tịch huyện làm trưởng ban, lãnh đạo phòng NN&PTNT, trưởng kiểm lâm là thành viên. Nhiệm vụ của Ban là chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn huyện.

- Tổ chức, huy động và phối hợp các lực lượng trên địa bàn để ngăn chặn mọi hành vi gây thiệt hại đến rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng trừ sinh vật hại rừng.

- Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ về quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật; cấp phép khai thác lâm sản rừng tự nhiên theo đúng pháp luật.

- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng rừng cho các HGD và cộng đồng dân cư thôn.

#### 4.1.3. UBND cấp xã

- Thành lập Ban phát triển rừng do chủ tịch hoặc bí thư xã làm trưởng ban, thành viên là cán bộ địa chính, cán bộ lâm nghiệp và công an xã. Nhiệm vụ của Ban là hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước về quản lý, bảo vệ, khai thác rừng trong phạm vi địa bàn xã.

- Chỉ đạo các thôn, bản xây dựng Ban phát triển rừng của thôn, bản và thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các lực lượng kiểm lâm, công an, quân đội, tổ chức lực lượng quần chúng bảo vệ rừng trên địa bàn, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi khai thác, hủy hoại rừng. Tuy nhiên do địa bàn khó khăn, việc kiểm tra, giám sát chưa thật sự tốt nên

vẫn còn hiện tượng khai thác trộm gỗ trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng; hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, huy động các lực lượng chữa cháy rừng trên địa bàn;

- Tổ chức quản lý, bảo vệ rừng và có kế hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp trên đưa rừng vào sử dụng đối với những diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê. Qua khảo sát, UBND xã Phương Viên và Ngọc Phái chưa có kế hoạch giao diện tích rừng do UBND xã quản lý cho các HGD, cộng đồng quản lý, sử dụng.

- Chưa hướng dẫn nhân dân thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, sản xuất lâm nghiệp - nông nghiệp - ngư nghiệp kết hợp, làm nương rẫy, định canh, thâm canh, luân canh,

- Đã quy hoạch khu vực chăn thả gia súc, xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được phê duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ về quản lý, bảo vệ rừng đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trên địa bàn; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.

## 4.2. Giao rừng cho HGD

### 4.2.1. Tổ chức thực hiện

Các cấp chính quyền ở tỉnh Bắc Kạn tổ chức, giám sát việc thực hiện chính sách giao đất lâm nghiệp cho các HGD.

### 4.2.2. Quyền và nghĩa vụ của HGD được giao rừng phòng hộ

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn chưa giao rừng phòng hộ cho HGD.

### • Quyền và nghĩa vụ của HGD được giao rừng sản xuất (Điều 70 của Luật BV&PTR)

Có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 59 và Điều 60 của Luật này:

#### Điểm mạnh:

Là hành lang pháp lý để HGD thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và rừng có hiệu quả, được hướng dẫn về kỹ thuật, được quyền khai thác những sản phẩm từ rừng, được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng giá trị rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định của pháp luật. Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên được khai thác, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng tăng thêm do chủ rừng tự đầu tư so với giá trị quyền sử dụng rừng được xác định tại thời điểm được giao theo quy định của pháp luật.

#### Điểm yếu:

Một số điểm trong các khoản của Điều 70 của Luật BV&PTR khó khả thi và không thực hiện được.

#### a. Ý kiến của các cơ quan chuyên môn tỉnh, huyện và xã

- Nông dân tỉnh Bắc Kạn chiếm 80% dân số và sinh sống tập trung ở miền núi, phần đông trong số họ thuộc diện trung bình và cận nghèo. Do vậy, nhận thức, kiến thức về rừng và tiếp cận các chính sách về giao rừng, quản lý, sử dụng rừng và hưởng lợi từ rừng còn hạn chế.

- Về chính sách, 75% số các cán bộ chuyên môn được phỏng vấn của tỉnh, huyện và xã cho rằng HGD có khó khăn trong quản lý, sử dụng rừng; 25% nhận xét là bình thường.

#### b. Kết quả phỏng vấn các hộ gia đình

Đánh giá việc thực hiện luật BV&PTR ở địa bàn tỉnh Bắc Kạn, dự án đã phỏng vấn 89 hộ được giao đất rừng sản xuất cụ thể như sau:

**Huyện Chợ Đồn:**

+ Xã Phương Viên 30 HGD được giao đất rừng sản xuất gắn với rừng tự nhiên nghèo kiệt.

+ Xã Ngọc Phái 29 HGD được giao đất rừng sản xuất gắn với rừng tự nhiên nghèo kiệt.

**Huyện Na Rì:**

+ Xã Văn Minh 30 hộ được giao rừng sản xuất tự nhiên nghèo kiệt.

**c. Về Luật Bảo vệ và Phát triển rừng:**

- *Họp bàn về kế hoạch giao đất, rừng cho HGD và cộng đồng dân cư thôn:* Trong 89 HGD phỏng vấn thì 100% HGD đều trả lời được tham gia vào cuộc họp.

- *Cấp giấy chứng nhận:* 89 HGD (100%) được giao rừng đều có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong giấy chứng nhận đều ghi diện tích, số lô đất rừng giao cho HGD. Hiện nay một số HGD chưa được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số diện tích đất lâm nghiệp đang sử dụng. Bởi vì, số diện tích trước đây gia đình được cấp sổ giao rừng (sổ xanh) là do Kiểm lâm thực hiện giao đất giao rừng theo Nghị định 02/CP, Kiểm lâm không có chức năng cấp “sổ đỏ” nên tạm cấp “sổ xanh”, làm cơ sở cho Địa chính làm thủ tục cấp “sổ đỏ”. Do vậy, số sổ trên đã được UBND xã thu lại làm thủ tục chuyển sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ).

- *Nhận biết rừng:*

89 HGD phỏng vấn (100%) trả lời đều biết vị trí, ranh giới rừng được giao.

+ *Xác định trữ lượng, chất lượng rừng* thì nhiều người dân không biết, 16 HGD (17,98%) trả lời biết chất lượng rừng, 82,02% trả lời không biết. Khi giao đất lâm nghiệp, cơ quan giao đất chưa đánh giá được chất lượng, trữ lượng rừng ở trên đất đó, người dân chỉ biết theo hiểu biết của mình.

- *Canh tác trên đất lâm nghiệp, rừng được giao:* Trong 89 HGD phỏng vấn thì 100% hộ

có canh tác trên đất lâm nghiệp như trồng sắn, ngô, lúa nương khi trồng rừng 2 năm đầu.

- *Trồng rừng:* 100% HGD trả lời đều trồng rừng, cây trồng chính là Mỡ, Keo tai tượng, Quế; 65% trả lời có trồng thêm cây phụ trợ như Lát, Hồi.

- *Vốn trồng rừng:* 89 hộ gia đình (100% đều được dự án 147 cấp cây giống, tiền công chăm sóc năm đầu tiên từ những năm 1997 - 1998), 100% HGD đều tự bỏ vốn ra trồng và chăm sóc rừng; 13 người (14,61%) vay được vốn ngân hàng để trồng rừng với lãi suất 8,5%/năm.

- *Hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng:*

100% HGD phỏng vấn trả lời đều được hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng. Kiểm lâm địa bàn và cán bộ lâm nghiệp xã hướng dẫn người dân trồng rừng tại thực địa. Hướng dẫn đúng quy trình kỹ thuật trồng rừng, chăm sóc rừng 3 năm đầu và nghiệm thu kết quả trồng rừng của từng hộ gia đình.

• *Về quy chế khai thác:* trong số 89 hộ có 56 hộ (62,92%) chưa nghe đến quy chế này; 32 hộ (35,96%) có biết nhưng hiểu lơ mơ, chỉ có 1 hộ (1,12%) là hiểu được quy chế.

Từ năm 2011, Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư 35 về hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ, khoản 1 Điều 6 của thông tư này quy định “chủ rừng là HGD có khai thác rừng theo phương thức khai thác chính, khai thác gỗ phục vụ nhu cầu hàng năm từ rừng tự nhiên phải xây dựng phương án khai thác gỗ. Điều này người dân cũng khó thực hiện, vì trình độ nhận thức của người dân còn hạn chế, chưa đủ trình độ xây dựng phương án khai thác rừng. Thực tế khảo sát thì (100%) người dân trả lời không xây dựng phương án khai thác rừng.

- *Điều 47 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng về khai thác rừng tự nhiên* (Việc khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ phải thực hiện theo

quy chế quản lý rừng, thực hiện đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bảo đảm duy trì khả năng phòng hộ bền vững của rừng) ít khả thi. Vì theo điểm 2, mục a khoản 2 Điều 32 Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg quy định “*Khi rừng đạt tiêu chuẩn về phòng hộ được khai thác gỗ theo phương thức chặt chọn, độ tàn che của rừng sau khi khai thác phải lớn hơn 0,6*”, điều này người dân không thực hiện được. *Điểm c, khoản 2 Điều 56 của Luật BV&PTR không có tính khả thi, bởi vì các HGD phải có kế hoạch quản lý, bảo vệ và sản xuất, kinh doanh rừng theo hướng dẫn của UBND xã, hoặc kiểm lâm được UBND huyện phê duyệt.* Cán bộ lâm nghiệp xã, cán bộ kiểm lâm còn ít, chuyên môn còn hạn chế rất khó hướng dẫn người dân xây dựng kế hoạch phát triển rừng theo quy định được.

• *Lập hồ sơ khai thác:* Các hộ khai thác rừng đều lập hồ sơ khai thác trình UBND xã phê duyệt, trong 89 hộ phỏng vấn thì 10 hộ (11,24%) có lập hồ sơ khai thác đúng trình tự, còn lại các hộ không khai thác nhiều nên không làm hồ sơ khai thác.

• *Phương thức khai thác rừng:*

+ 89 HGD phỏng vấn, 100% HGD trả lời có khai thác, chủ yếu khai thác tưa, khai thác chọn (100%), một số hộ khai thác theo đám (12,36%)...

+ Khai thác lâm sản ngoài gỗ (LSNG), 78 HGD (87,64%) trả lời đều khai thác mây, tre, nứa, mật ong...

- Thủ tục khai thác:

+ Xin giấy phép khai thác 89 hộ phỏng vấn thì có 10 hộ (11,24%) trả lời làm đơn xin phép khai thác, 79 hộ (88,76%) trả lời không xin phép, bởi vì gia đình khai thác ít, nếu khai thác nhiều thì bán cây đứng cho thương lái, thương lái làm thủ tục khai thác với các cấp có thẩm quyền.

+ Thủ tục khai thác gỗ ở địa phương gồm: giấy chứng nhận sử dụng đất, đơn xin khai thác gỗ, bản dự kiến khai thác gỗ, biên bản kiểm tra khai thác của cán bộ lâm nghiệp xã và kiểm lâm địa bàn, sau đó nộp cho UBND cấp huyện đối với rừng tự nhiên và cấp xã đối với rừng trồng phê duyệt.

*Khoản 3 Điều 70 của Luật BV&PTR về quyền của chủ rừng chỉ được thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng tăng thêm do chủ rừng tự đầu tư so với giá trị quyền sử dụng rừng được xác định tại thời điểm được giao theo quy định của pháp luật. Điều này không khả thi, bởi vì khi giao rừng cho HGD chưa xác định được giá trị của rừng. Do vậy, không thể xác định được giá trị tăng thêm của rừng so với lúc giao rừng.*

- Kiểm kê gỗ sau khai thác: 89 hộ phỏng vấn thì 33 hộ (37,08%) trả lời có, 53 hộ (62,92%) trả lời là không biết.

- Chính sách thuế, nộp thuế tài nguyên: trong 89 hộ có 12 hộ (13,48%) có biết phải nộp thuế, 77 hộ (86,52%) hộ không biết mức nộp thuế tài nguyên. Số hộ biết chính sách thuế đều cho rằng thuế tài nguyên của rừng tự nhiên cao hơn nhiều so với các loại thuế khác, do vậy cần điều chỉnh là nộp 10% thuế tài nguyên. Nguyên nhân trên có thể do HGD đã khoán toàn bộ chi phí cho người thu mua gỗ và theo đó họ không trực tiếp nộp thuế tài nguyên và cũng có thể do thuế cao mà người dân tìm cách không thực hiện.

- 100% cán bộ được phỏng vấn ở tỉnh Bắc Kạn trả lời rằng: quy định áp giá gỗ rừng tự nhiên, rừng trồng chưa đúng với thực tế, dẫn đến người dân phải nộp thuế cao hơn giá trị của thị trường. Do vậy, cần quy định giá gỗ sát với thị trường.

- Hướng dẫn khai thác: trong 89 hộ phỏng vấn thì 10 hộ (11,24%) trả lời có hướng

dẫn khai thác, còn lại 88,76% trả lời không được hướng dẫn khai thác. Bởi vì những hộ này không khai thác chính, chỉ khai thác tía, khai thác chọn khi có nhu cầu sử dụng gỗ hoặc bán lấy tiền chi tiêu mức độ nhỏ trong gia đình.

- **Trồng lại rừng:** 89 hộ phỏng vấn thì 100% trả lời đều trồng lại rừng sau khi khai thác chính, bởi vì người dân hiểu giá trị của rừng đối với cuộc sống của họ.
- **Tiền công bảo vệ rừng:** 89 hộ phỏng vấn trả lời trước đây họ đều nhận được tiền công bảo vệ rừng, từ năm 2011 đến nay không nhận được.
- **Khai thác trộm:** Trong 89 hộ thì có 15 hộ (16,85%) trả lời có bị khai thác trộm, nhưng không nhiều. 74 hộ (83,15%) không bị khai thác trộm. Khi bị mất trộm, gia đình báo chính quyền thôn, xã, kiểm lâm địa bàn. Ban phát triển rừng của xã huy động mọi lực lượng để truy đuổi lâm tặc.
- **Kiểm tra rừng:** 100% hộ gia đình thường xuyên đi kiểm tra rừng, phát dây leo, cây bụi, phát hiện sâu bệnh, chưa có hoạt động điều chỉnh mật độ cây rừng hoặc trồng giặm cây rừng tự nhiên.
- **Xây dựng bản kế hoạch phát triển rừng:** 100% hộ phỏng vấn chưa xây dựng bản kế hoạch phát triển rừng của gia đình, cũng không ai hướng dẫn xây dựng bản quy hoạch phát triển rừng (Khoản 2 Điều 60 Luật BV&PTR).
- **Báo cáo thực trạng rừng:** 100% hộ phỏng vấn trả lời không báo cáo thực trạng rừng cho chính quyền xã.
- **Thực trạng rừng:** 100% hộ trả lời rừng của gia đình tốt lên, theo cơ quan chuyên môn thì rừng, đất lâm nghiệp đã giao cho HGD được người dân quản lý, chăm sóc tốt hơn, rừng được bảo tồn, năng suất và chất lượng

rừng nâng dần lên, tránh được tình trạng khai thác trái phép bừa bãi. HGD quản lý rừng được giao tốt hơn so với các chủ rừng là tổ chức, HGD quản lý tốt đối với những diện tích nhỏ lẻ (3 - 5ha/hộ).

## V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 5.1. Kết luận

Bắc Kạn là tỉnh miền núi có tổng diện tích tự nhiên là 485.941ha, đây là tỉnh có nhiều rừng và rừng tự nhiên: diện tích đất lâm nghiệp chiếm 68,03% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh, trong đó đất có rừng chiếm 86,98% diện tích đất lâm nghiệp, bằng 75,60% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh; diện tích rừng tự nhiên chiếm tỷ lệ 68,03% diện tích đất lâm nghiệp.

Về cơ bản tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện xong việc giao đất giao rừng, đến năm 2009 tỉnh đã giao 75% diện tích đất lâm nghiệp cho các đối tượng, trong đó HGD được giao nhiều với tỷ lệ 54,65% đất lâm nghiệp của tỉnh và bằng 79,6% tổng diện tích đã giao cho các đối tượng. Cộng đồng dân cư thôn được giao 1.384ha chiếm 0,32% diện tích đất lâm nghiệp, trong đó rừng tự nhiên chiếm 0,36% rừng tự nhiên của tỉnh, đất chưa có rừng là 0,43%. HGD là đối tượng được giao rừng tự nhiên nhiều nhất với tỷ lệ 52,59% tổng diện tích đã giao và bằng 76,3% diện tích rừng tự nhiên đã giao cho các đối tượng.

Hiện nay, ở Bắc Kạn diện tích đất lâm nghiệp, rừng chưa giao còn tương đối lớn 142.220ha, chiếm 32,89% diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 97.808ha chiếm 33,25% rừng tự nhiên của tỉnh, rừng trồng chiếm 17,98%, đất chưa có rừng là 48,62% diện tích đất chưa có rừng của tỉnh.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cơ bản đã hoàn thành, chỉ còn một

số rất ít đang chờ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong giấy chứng nhận chỉ ghi diện tích, số thửa, không ghi chất lượng, trữ lượng và loài cây trên đất lâm nghiệp.

Tỉnh Bắc Kạn là tỉnh có diện tích rừng tự nhiên lớn nhất so với tổng diện tích đất lâm nghiệp, việc giao rừng cho HGD và cộng đồng mới chỉ xác định được vị trí, ranh giới chưa xác định được chất lượng, trữ lượng rừng, vấn đề này ảnh hưởng đến việc cấp giấy phép khai thác gỗ rừng tự nhiên và ảnh hưởng đến sinh kế của người dân làm nghề rừng.

Diện tích đất lâm nghiệp và rừng tự nhiên giao cho HGD và cộng đồng chiếm tỷ lệ lớn, nhưng chất lượng rừng kém, nguồn thu từ rừng của HGD còn rất khiêm tốn, chưa đóng góp tương xứng với tiềm năng của rừng vào việc nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân; tỉnh Bắc Kạn vẫn là một trong số những tỉnh nghèo của cả nước, tỷ lệ hộ nghèo ở những nơi có nhiều rừng tự nhiên trong tỉnh còn cao.

Nhiều hộ gia đình chưa hiểu rõ Luật BV&PTR nói chung và một số chính sách khác liên quan tới quản lý, sử dụng rừng nói riêng. Do vậy, sự hiểu biết về những chính sách trên còn hạn chế; các tác động của hộ gia đình và cộng đồng để nâng cao hiệu quả sản xuất lâm nghiệp, chất lượng gỗ rừng trồng cũng như rừng tự nhiên của các HGD và cộng đồng hầu như chưa có; hưởng lợi từ rừng tự nhiên của các HGD và cộng đồng không nhiều.

Trình tự, thủ tục khai thác gỗ rừng tự nhiên của HGD và cộng đồng còn bất cập. Điều này dẫn đến người dân phải bán gỗ cho thương lái và bị thương lái ép giá.

Một số điều trong Luật BV&PTR và các chính sách liên quan ít có tính khả thi.

Thuế lâm sản còn cao, việc áp giá gỗ của địa phương còn cao hơn giá thị trường.

## 5.2. Khuyến nghị

### 5.1.1. Về giao rừng

- Giao tiếp diện tích đất lâm nghiệp, rừng tự nhiên cho HGD, những diện tích mà UBND xã hiện đang quản lý.

- Hộ gia đình khi nhận giao rừng chỉ xác định vị trí và địa điểm khu rừng, diện tích rừng, loại rừng, còn không được xác định trạng thái rừng, trữ lượng rừng và chất lượng rừng tại thời điểm cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký quyết định giao rừng (khoản 5 Điều 20 Nghị định số 23/2006/NĐ-CP) và ghi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sự tăng trưởng của rừng ngay từ đầu không xác định vậy khi hộ gia đình khai thác thì tính thế nào? Sự tăng trưởng đó phải có người biết tính toán và phải được ghi vào luật và được tính theo sự đầu tư của rừng sản xuất chứ không phải là rừng tự nhiên nữa vì đã có sự đầu tư công sức và bảo vệ của con người, vì vậy người dân phải được hưởng hoàn toàn, để khi làm thủ tục khai thác chỉ cần lên xã phê duyệt thay vì phải lên tận huyện.

### 5.2.2. Về quản lý rừng

#### a. Về quan điểm

Chính sách quản lý rừng tự nhiên giao cho HGD (i) phù hợp với đặc điểm rừng tự nhiên giao cho HGD: rừng nghèo, quy mô nhỏ và rất nhỏ; (ii) Phù hợp với trình độ dân trí và tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số; (iii) Đảm bảo tính khả thi cao, được người dân đồng tình; (iv) Phải tạo động lực cho HGD quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng bền vững rừng tự nhiên; (ii) Rừng được sử dụng đúng mục đích và duy trì khả năng phòng hộ;

Khi rừng tự nhiên đã giao cho HGD, cộng đồng thì phải xác định gỗ, lâm sản ngoài gỗ không chỉ là của Nhà nước mà còn là của HGD.

*b. Một số điều trong Luật BV&PTR, các chính sách liên quan cần được sửa đổi*

**- Điểm c, khoản 2 Điều 56 của Luật BV&PTR:** Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân phải có kế hoạch quản lý, bảo vệ và sản xuất, kinh doanh rừng theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc kiểm lâm và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt.

*Khuyến nghị sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 56 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.*

*Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân phải có kế hoạch quản lý, bảo vệ và sản xuất, kinh doanh rừng theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc kiểm lâm địa bàn.*

**- Khoản 2 Điều 60 luật BV&PTR.**

Tổ chức bảo vệ và phát triển rừng theo quy hoạch, kế hoạch, dự án, phương án đã được phê duyệt.

*Khuyến nghị sửa đổi:*

*Tổ chức bảo vệ và phát triển rừng theo quy hoạch, kế hoạch, dự án, phương án đã được phê duyệt, hộ gia đình không cần xây dựng quy hoạch, kế hoạch, dự án, phương án phát triển rừng.*

**- Khoản 3 Điều 70**

“Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên thì được khai thác theo quy định tại Điều 56 của Luật này; chỉ được thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng tăng thêm do chủ rừng tự đầu tư so với giá trị quyền sử dụng được xác định tại thời điểm giao theo quy định của pháp luật”.

*Khuyến nghị sửa đổi:*

*Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên thì được khai thác theo quy định tại Điều 56 của Luật này; được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng theo*

*pháp luật; cá nhân được để thừa kế quyền sử dụng rừng theo pháp luật.*

**- Khoản 4, Điều 69**

“ Được chuyển đổi diện tích rừng được giao cho hộ gia đình, cá nhân trong cùng xã phường, thị trấn; cá nhân được để thừa kế quyền sử dụng rừng theo pháp luật”.

*Khuyến nghị sửa đổi:*

*Được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng theo pháp luật; cá nhân được để thừa kế quyền sử dụng rừng theo pháp luật.*

**c. Chính sách quản lý rừng tự nhiên (QĐ 186/2006/QĐ-TTg - quy chế quản lý rừng)**

Mục 2 điểm a khoản 3 Điều 39 của Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg về quy chế quản lý rừng quy định “Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn phải có phương án điều chế rừng; Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hoặc ủy quyền cho phòng chức năng của cấp huyện phê duyệt phương án điều chế rừng”.

*Khuyến nghị sửa đổi:*

*Rừng tự nhiên được giao cho hộ gia đình, cá nhân, không thuộc phạm vi điều chỉnh của khai thác chính và không đưa rừng vào đối tượng điều chế. Nhưng Hộ gia đình phải tự lập kế hoạch quản lý rừng (theo hướng dẫn của Sở NN&PTNT) để bảo đảm quản lý sử dụng rừng bền vững.*

- Sớm ban hành chính sách hỗ trợ, đầu tư, tín dụng cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, trong đó ưu tiên, ưu đãi cho vùng sâu, vùng xa và cho những hộ thuộc diện kinh tế nghèo (không phân biệt dân tộc, người bản xứ/tại chỗ).

- Thuế tài nguyên rừng, nghiên cứu sửa đổi thuế suất thuế tài nguyên rừng cho phù hợp với điều kiện của HGD ở các tỉnh miền núi và

bình đẳng với các thuế suất thuế tài nguyên khác, nhằm khuyến khích bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng.

- *Điều kiện kỹ thuật khai thác gỗ rừng tự nhiên*, HGD chỉ được giao rừng non, rừng nghèo, chất lượng thấp, diện tích rừng nhỏ, đa số thuộc diện nghèo, cho nên dù họ có bán gỗ cũng không quản lý như hộ khai thác vì mục đích kinh doanh. Do vậy cần làm rõ thế nào là khai thác chính đối với HGD, với những hộ được giao diện tích rừng tự nhiên trong hạn mức khi khai thác gỗ và mang bán được coi là tự cung tự cấp và có quy định riêng về khai thác gỗ rừng tự nhiên cho những HGD này. Quy định khai thác lâm sản thương mại như hiện nay chỉ áp dụng với những hộ có diện tích rừng tự nhiên lớn hơn hạn mức quy định của Luật Đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Khi khai thác gỗ rừng tự nhiên, Hộ gia đình phải duy trì đủ số lượng cây được giao và chỉ

được khai thác những cây gỗ đã đạt cỡ kính cho phép.

- *Trình tự, thủ tục cấp phép khai thác lâm sản*  
Sửa đổi theo hướng đơn giản hoá phù hợp với trình độ người dân và điều kiện ở miền núi, tăng quyền cho UBND xã trong cấp phép và kiểm tra, kiểm soát khai thác gỗ và lâm sản cho HGD trên địa bàn xã.

#### *d. Một số vấn đề khác*

Các chính sách về quản lý rừng tự nhiên và các tài liệu kỹ thuật lâm sinh làm giàu rừng tự nhiên cần được biên soạn lại thành các tài liệu đơn giản, dễ hiểu và phổ biến HGD, như các cuốn sổ tay, tranh, ảnh tuyên truyền, tờ rơi... để nâng cao nhận thức cho người dân

- Kiện toàn bộ máy quản lý lâm nghiệp ở cơ sở, đặc biệt là cấp huyện và xã; nâng cao năng lực cho cán bộ cấp xã trong việc quản lý lâm nghiệp nói chung và quản lý rừng tự nhiên nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo kiểm kê rừng Bắc Kạn năm 2012.
2. Vũ Long, Trần Duy Rương và cộng sự, 2011. “Đánh giá các chính sách có liên quan đến quản lý rừng tự nhiên giao cho hộ gia đình ở vùng miền núi Bắc Bộ”, dự án Oxfarm.
3. Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004.
4. Nghị định số 23/2006/NĐ-CP về thi hành Luật bảo vệ và PTR.
5. Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg - quy chế quản lý rừng.
6. Luật Đất đai năm 2014.

**Người thẩm định:** Chuyên gia kinh tế lâm nghiệp Vũ Long